

VAI TRÒ CỦA VCCI TRONG VIỆC CẤP C/O CHO HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

**Bà: Trần Thị Thu Hương
Giám đốc**

**Trung tâm xác nhận chứng từ thương mại
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

Mobile: 091.266.3317

Email: huongttt@vcci.com.vn



GIỚI THIỆU VỀ VCCI

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Vietnam Chamber of Commerce and Industry (viết tắt: **VCCI**)

Theo Điều lệ VCCI được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 11 tháng 11 năm 2016:

Tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận

Đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp ở Việt Nam và nước ngoài

Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) và xác nhận các giấy tờ cần thiết khác trong hoạt động thương mại



CÁC LOẠI C/O VÀ CTTM

Theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa (*thay thế Nghị định số 19/2006/NĐ-CP*)

VCCI cấp:

C/O mẫu A theo hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) và các ưu đãi đơn phương khác

C/O mẫu B không ưu đãi của Việt Nam và các mẫu C/O không ưu đãi khác của nước nhập khẩu

Xác nhận **chứng từ thương mại**

Sở tạm quản **ATA Carnet** theo Công ước Istanbul



CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

Phổ biến, tuyên truyền cho các doanh nghiệp thực hiện các quy định pháp luật

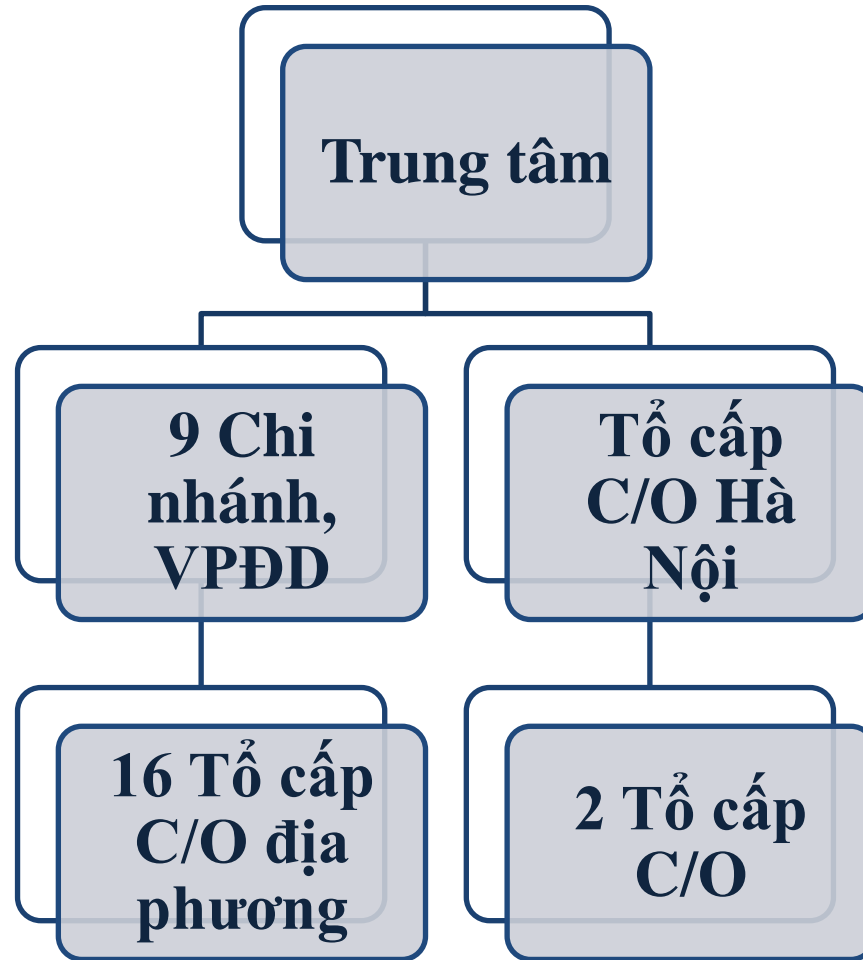
Kiểm tra xác minh xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu

Phối hợp kiểm tra với Hải quan nước ngoài

Hợp tác với các Bộ, ngành và các tổ chức nước ngoài

Chống chuyển tải bất hợp pháp

CƠ CẤU TỔ CHỨC CẤP C/O



QUY TRÌNH KIỂM TRA CẤP C/O

QUY TRÌNH CẤP C/O CỦA VCCI

Doanh nghiệp sử dụng Chứng thư số đăng ký Hồ Sơ Doanh nghiệp (HSDN) để cán bộ VCCI kích hoạt

VCCI

COMIS.COVCCI.COM.VN



Cán bộ VCCI

Kích hoạt HSDN

DOANH NGHIỆP

TRUY CẬP
TRANG COMIS

Đăng ký Tài
khoản trên
COMIS

Khai báo
HSDN
(cho DN lần
đầu xin cấp tại
VCCI)

Đăng ký
Chứng thư số
(CTS)

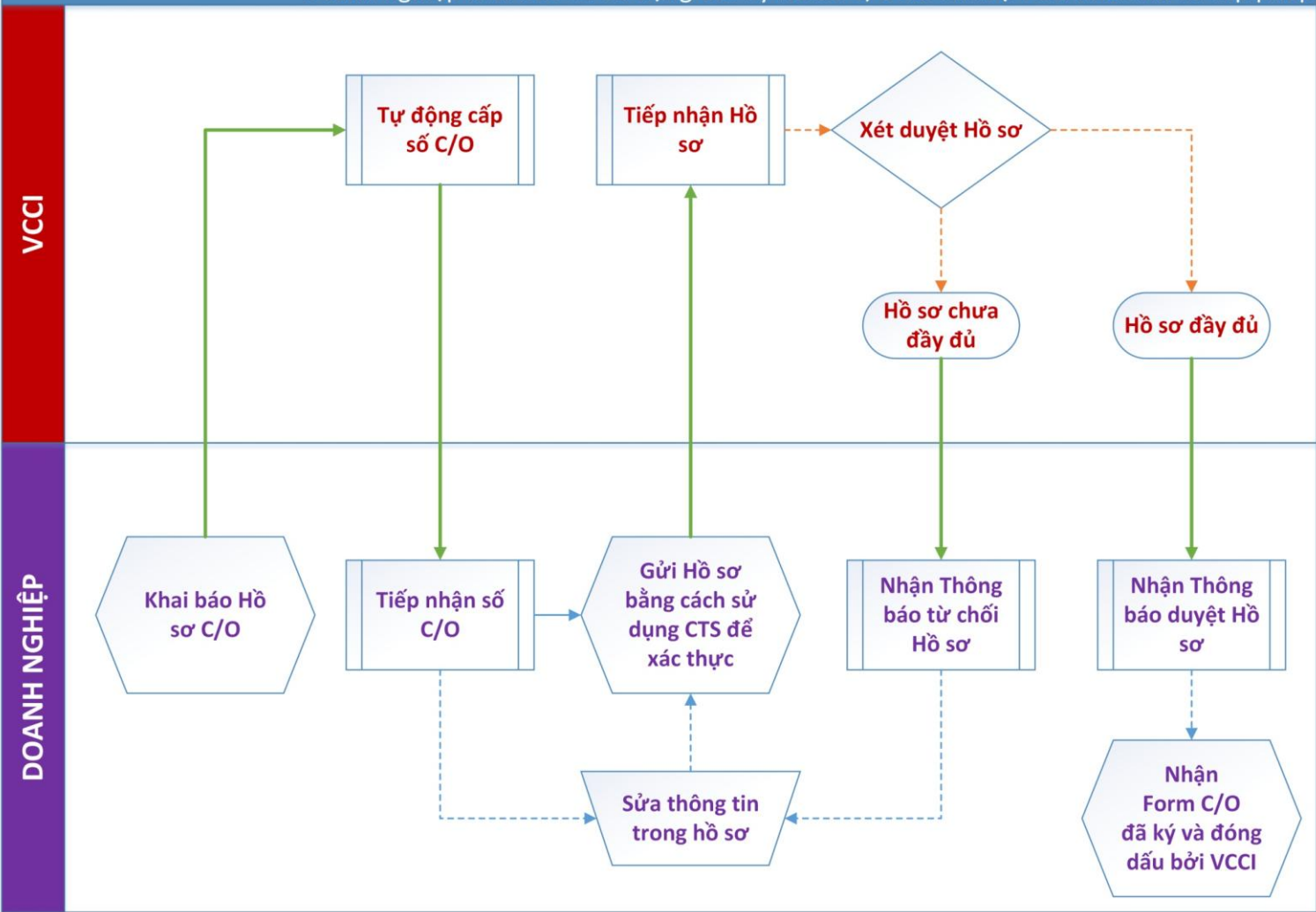
Ký HSDN để
được kích hoạt



QUY TRÌNH KIỂM TRA CẤP C/O

QUY TRÌNH CẤP C/O CỦA VCCI

Doanh nghiệp khai báo và sử dụng CTS ký Hồ Sơ C/O để cán bộ VCCI kiểm tra và cấp phép



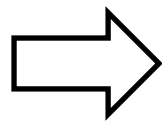
LÝ DO TỪ CHỐI CẤP C/O

Khai sai dữ liệu thông tin trên hồ sơ

Các bằng chứng chứng từ chưa đủ căn cứ để xác định xuất xứ

Quy trình sản xuất không vượt qua công đoạn gia công đơn giản

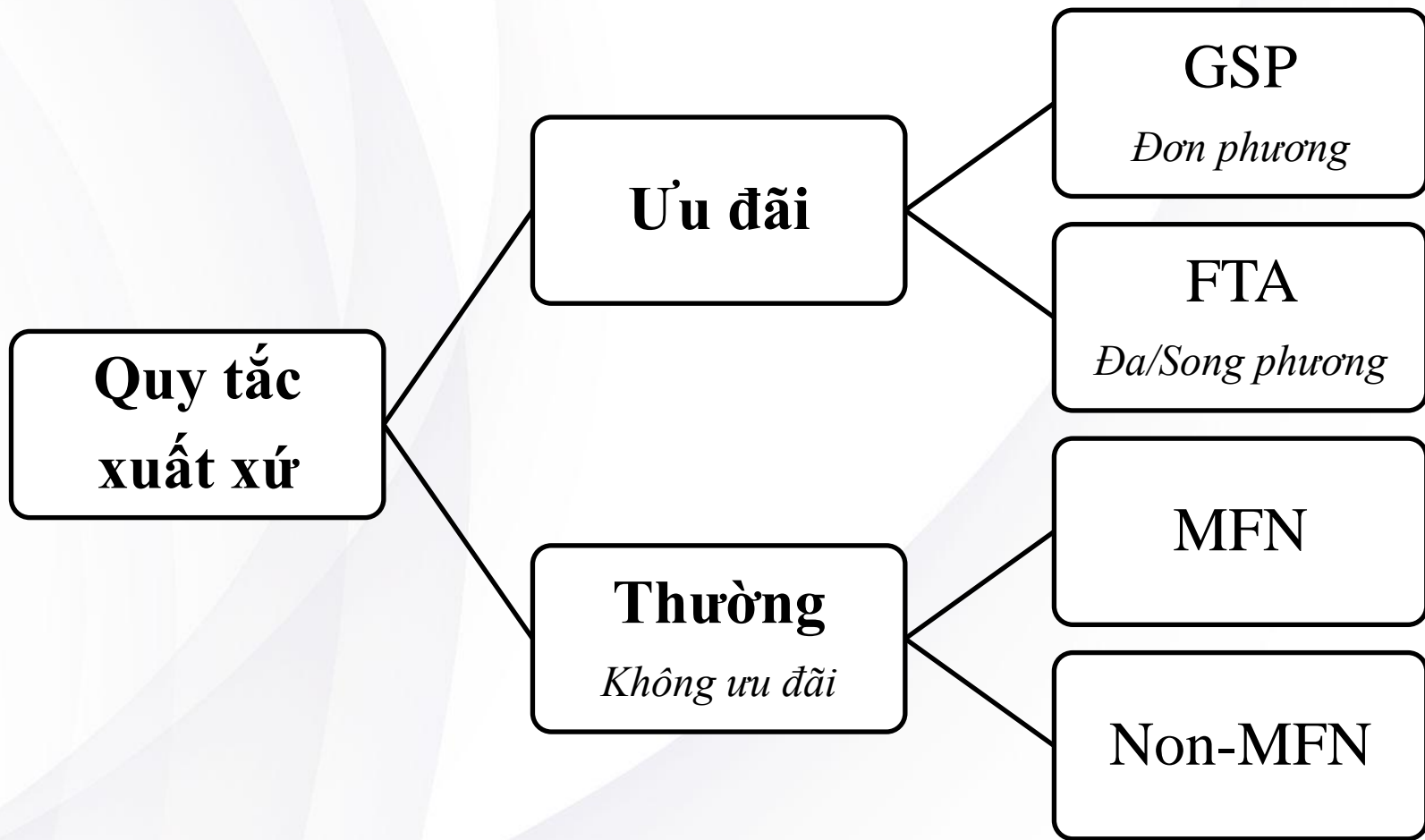
Các chứng từ có dấu hiệu gian lận về xuất xứ



**Kiểm tra cơ sở sản xuất, nơi trồng
thu hoạch trước khi cấp C/O**



HƯỚNG DẪN CHỌN MẪU C/O



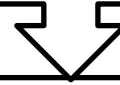
HƯỚNG DẪN CHỌN MẪU C/O

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ

Xác định mã số HS



Tìm QTXX cho sản phẩm



Giải trình theo các mẫu



Hoàn thành hồ sơ



**C/O MÃU A
ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI GSP**

C/O MẪU A

Lưu ý các ký mã hiệu khi khai báo trên C/O mẫu A

P sản phẩm thuần túy

W sản phẩm không thuần túy áp dụng
cho thị trường EU...

F sản phẩm không thuần túy áp dụng
cho thị trường Canada

Y sản phẩm không thuần túy áp dụng
cho thị trường Nga...

C/O MÃU A

Sản phẩm có xuất xứ thuần túy

Sản phẩm từ cây trồng được trồng, thu hoạch tại nước thụ hưởng

Động vật sống được sinh và nuôi dưỡng tại nước thụ hưởng

Sản phẩm được đánh bắt tại vùng lãnh thổ của nước thụ hưởng

Khoáng sản được khai thác, chiết xuất tại vùng lãnh thổ của nước thụ hưởng

Phế thải, phế liệu từ quá trình sản xuất tại nước thụ hưởng

C/O MÃU A → THỊ TRƯỜNG EU

Regulation (EU) 2015/2446 ngày 28/7/2015
của Ủy ban châu Âu

- Áp dụng theo **Regulation (EU) 2015/2446** ngày 28/7/2015 của Ủy ban châu Âu;
- Tra cứu quy tắc xuất xứ cụ thể từng mặt hàng trong **Annex 22-03** của tài liệu trên;
- Ví dụ: mặt hàng Âm ly (**HS 8519**) áp dụng một trong hai tiêu chí theo điểm (b)

8519	Sound recording and sound reproducing apparatus	(a) LDCs Manufacture from materials of any heading, except that of the product and of heading 8522 <i>or</i> Manufacture in which the value of all the materials used does not exceed 70 % of the ex-works price of the product	(b) Other beneficiary countries Manufacture from materials of any heading, except that of the product and of heading 8522 <i>or</i> Manufacture in which the value of all the materials used does not exceed 50 % of the ex-works price of the product
------	---	--	---

C/O MÃU A → THỊ TRƯỜNG EU

Các quy tắc chính

Chuyển đổi HS cấp 4 số (CTH)

Tỷ lệ % theo giá xuất xưởng

Đáp ứng công đoạn sản xuất chính tại nước thụ hưởng

C/O MÃU A → THỊ TRƯỜNG EU

Quy tắc Bộ sản phẩm

sản phẩm riêng lẻ trong Bộ sản phẩm sẽ được coi là nguyên liệu có xuất xứ nếu tổng trị giá không vượt quá 15% giá xuất xưởng của thành phẩm xuất khẩu

Bộ bàn ghế gỗ (HS 9403) có kèm **Nệm** (HS 9404)

Các sản phẩm trong Bộ có xuất xứ VN, trừ **Nệm** từ TQ

Trị giá **Nệm** \leq 15% giá EXW của Bộ sản phẩm xuất khẩu

Bộ sản phẩm đáp ứng tiêu chí xuất xứ GSP của EU

C/O MẪU A → THỊ TRƯỜNG EU

Đối với hàng Dệt may thuộc Chương 61 và 62

Vải chính được dệt tại Việt Nam; hoặc:

Cộng gộp khu vực: vải chính có C/O mẫu A được nhập khẩu từ các nước ASEAN (*ngoại trừ Singapore, Malaysia, Brunei, Thailand*); hoặc:

Cộng gộp EU: vải chính có giấy chứng nhận EUR.1 cấp bởi các quốc gia thuộc EU; hoặc:

Cộng gộp mở rộng: với các nước có ký FTA với Việt Nam.

C/O MẪU A → THỊ TRƯỜNG EU

TÊN HÀNG	ĐỒ CHƠI BẰNG GỖ
MÃ HS	9503
NƯỚC XUẤT KHẨU	PHÁP
ĐỀ NGHỊ C/O	MẪU A cho hàng xuất khẩu sang EU
TIÊU CHÍ XUẤT XỨ	CTH

NGUYÊN LIỆU	MÃ HS	XUẤT XỨ
Sợi Nylon	5402	Đài Loan
Miếng gỗ dạng khúc	4401	Trung Quốc
Sơn	3209	Không rõ
Khung nhôm	7606	Đài Loan

Sản phẩm trên có đáp ứng được tiêu chí xuất xứ GSP của EU để được cấp mẫu A không?

C/O MẪU A → THỊ TRƯỜNG EU

TÊN HÀNG	VẢI BẠT TRẮNG PHỦ NHỰA PE
MÃ HS	3921
GIÁ XUẤT XUỞNG	3,85 USD cho 1KG sản phẩm
NƯỚC XUẤT KHẨU	PHÁP
ĐỀ NGHỊ C/O	MẪU A cho hàng xuất khẩu sang EU
TIÊU CHÍ XUẤT XỨ	Tỷ lệ % theo EXW < 50%

NGUYÊN LIỆU	XUẤT XỨ	ĐƠN GIÁ	ĐỊNH MỨC/1KG
Hạt nhựa	Đài Loan	1,38 USD	0,91 KG
Hạt màu	Đài Loan	5 USD	0,02 KG
Chất phụ gia	Đài Loan	0,6 USD	0,6 KG

Sản phẩm trên có đáp ứng được tiêu chí xuất xứ GSP của EU để được cấp mẫu A không?



C/O MẪU B XUẤT XỨ KHÔNG ƯU ĐÃI



C/O MÃU B

Nghị định số 31/2018/NĐ-CP

ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ

Thông tư số 05/2018/TT-BCT

ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ Công thương

• Danh mục quy tắc cụ thể mặt hàng quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 05/2018/TT-BCT dành cho **C/O mẫu B**;

• Hai quy tắc xuất xứ:

- 1) Chuyển đổi mã số hàng hóa
- 2) Tỷ lệ phần trăm giá trị (gọi tắt là LVC)



CÔNG ĐOẠN GIA CÔNG, CHẾ BIẾN ĐƠN GIẢN

“Đơn giản” là hoạt động không cần sử dụng các kỹ năng đặc biệt, máy móc, dây chuyền hoặc các thiết bị chuyên dụng.

Danh sách công đoạn gia công, chế biến quy định tại **Điều 9 của Nghị định số 31/2018/NĐ-CP**

được xem là đơn giản và không được xét đến khi xác định xuất xứ hàng hóa, trong đó bao gồm:

“Lắp ráp đơn giản các bộ phận của sản phẩm để tạo nên một sản phẩm hoàn chỉnh.”

CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ HÀNG HÓA

Tiêu chí “Chuyển đổi mã số hàng hóa”

là sự thay đổi về mã HS của hàng hóa so với mã HS của nguyên liệu đầu vào không có xuất xứ (bao gồm nguyên liệu nhập khẩu và nguyên liệu không xác định được xuất xứ)

Ba tiêu chí áp dụng:

- **CC** cấp 2 số (*theo chương - chapter*)
- **CTH** cấp 4 số (*theo nhóm - heading*)
- **CTSH** cấp 6 số
(*theo phân nhóm - sub-heading*)

CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ HÀNG HÓA

TÊN HÀNG	TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI
MÃ HS	8541.40
NƯỚC XUẤT KHẨU	HOA KỲ
ĐỀ NGHỊ C/O	MẪU B
TIÊU CHÍ XUẤT XỨ	LVC 30% HOẶC CTSH

TÊN NGUYÊN LIỆU	MÃ HS	XUẤT XỨ
Tấm tế bào quang điện	8541.40/ 8541.90	ĐÀI LOAN
Khung nhôm	7616.99	TRUNG QUỐC
Dây hàn dạng thanh	8003.00	TRUNG QUỐC
Keo silicone	3506.99	ĐÀI LOAN
Hộp đầu nối mạch điện	8536.90	ĐÀI LOAN

Sản phẩm Tấm pin năng lượng mặt trời có đáp ứng được tiêu chí xuất xứ mẫu B không?

DE MINIMIS

De Minimis: tỷ lệ nguyên liệu không đáp ứng tiêu chí “*Chuyển đổi mã số hàng hóa*”

**Hàng hóa có mã HS
không thuộc từ
Chương 50 đến 63**

De Minimis = 15% theo:
Trị giá FOB

**Hàng hóa có mã HS
thuộc từ Chương 50 đến
63**

De Minimis = 15% theo:
• *Trị giá FOB*
• *Trọng lượng*

TỈ LỆ PHẦN TRĂM GIÁ TRỊ (LVC)

Công thức tính LVC gián tiếp:

$$\frac{\text{Trị giá CIF nguyên liệu đầu vào nhập khẩu từ nước, nhóm nước, hoặc vùng lãnh thổ khác/Giá mua đầu tiên ghi trên hóa đơn GTGT của nguyên liệu không xác định được xuất xứ}}{\text{Trị giá FOB}} \times 100\%$$

TỈ LỆ PHẦN TRĂM GIÁ TRỊ (LVC)

Công thức tính LVC trực tiếp:

Trị giá CIF nguyên liệu có xuất xứ được thu mua hoặc sản xuất trong nước	+	Chi phí nhân công trực tiếp	+	Chi phí phân bộ trực tiếp	+	Các chi phí khác	+	Lợi nhuận	x 100%
<hr/>									
Trị giá FOB									

TỈ LỆ PHẦN TRĂM GIÁ TRỊ (LVC)

Lựa chọn công thức trực tiếp hoặc gián tiếp để tính LVC và thống nhất áp dụng công thức đã lựa chọn trong suốt năm tài chính đó;

- *Trị giá FOB* = giá xuất xưởng + các chi phí khác;
- *Giá xuất xưởng* = chi phí xuất xưởng + Lợi nhuận;
- *Chi phí xuất xưởng* = chi phí nguyên liệu + Chi phí nhân công trực tiếp + Chi phí phân bổ trực tiếp.



KIỂM TRA XÁC MINH XUẤT XỨ HÀNG HÓA TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT



KIỂM TRA XÁC MINH XUẤT XỨ HÀNG HÓA TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT

Thông tư số 39/2018/TT-BCT

ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ Công thương

Quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất
khẩu **trước và sau khi cấp C/O**

– Hiệu lực thi hành kể từ:

ngày 14 tháng 12 năm 2018

KIỂM TRA XÁC MINH XUẤT XỨ HÀNG HÓA TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT

Tình trạng hoạt động của thương nhân bao gồm:

- Đang hoạt động
- Tạm ngừng kinh doanh
- Chuyển quyền sở hữu
- Giải thể hay phá sản

Sự tồn tại của cơ sở sản xuất, trụ sở văn phòng phù hợp với thông tin đăng ký hồ sơ thương nhân

Hoạt động sản xuất, kinh doanh, thị trường nhập khẩu nguyên liệu, thị trường xuất khẩu hàng hóa trước thời điểm kiểm tra, xác minh

KIỂM TRA XÁC MINH XUẤT XỨ HÀNG HÓA TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT

Năng lực sản xuất, tình trạng máy móc, địa điểm lưu kho, nhân công

Thông tin hàng hóa, nguyên liệu, nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu hoặc nguyên liệu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu

Việc lưu trữ, xuất trình và giải trình hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp hoặc đã phát hành và chứng từ khác liên quan



TRÁCH NHIỆM CỦA THƯƠNG NHÂN

Phối hợp với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong nước, cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu trong việc kiểm tra, xác minh

Liên hệ với nhà sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa xuất khẩu hoặc nguyên liệu có xuất xứ để sản xuất hàng hóa

Giải trình, cung cấp, bổ sung đúng thời hạn hồ sơ, chứng từ, thông tin và tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, xác minh



TRÁCH NHIỆM CỦA THƯƠNG NHÂN

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, xác thực của:

- Văn bản giải trình, hồ sơ, chứng từ, thông tin
- Tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, xác minh

Lưu trữ, giữ bí mật, cung cấp hồ sơ, chứng từ, thông tin và tài liệu liên quan



XIN CẢM ƠN